

VÀI NÉT VỀ NHẬP ĐỒNG CỦA NGƯỜI HOA Ở CHÂU ĐỐC

Tóm tắt: Người Hoa là một trong những dân người có mặt ở Nam Bộ từ khá sớm và có nhiều đóng góp vào kho tàng văn hóa trên vùng đất này. Châu Đốc là nơi tập trung đông đảo người Hoa sinh sống. Đến nay họ còn bảo lưu được nhiều hình thái tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó đặc biệt là cộng đồng người Hoa Triều Châu có nghi lễ nhập đồng hết sức độc đáo. Tín ngưỡng này được người Hoa Triều Châu mang đến và duy trì hơn hai thế kỷ, trở thành sinh hoạt văn hóa đặc trưng của cộng đồng. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày về cách nhập đồng của người Hoa ở thành phố Châu Đốc và một số địa bàn lân cận, đặc biệt là những nơi tập trung đông đảo người Hoa Triều Châu sinh sống. Nội dung nghiên cứu của chúng tôi tập trung vào diện mạo, đặc trưng và giá trị của nghi thức nhập đồng này trong văn hóa của người Hoa ở không gian nêu trên.

Từ khóa: Nhập đồng; người Hoa; Châu Đốc.

1. Khái quát về nghi thức nhập đồng của người Hoa

Trong nghiên cứu văn hóa, thuật ngữ ma thuật được dùng để chỉ những hình thức vận dụng các năng lực tâm linh kỳ bí của con người tác động vào tự nhiên và tạo ra những hiện tượng không thể giải thích được. Theo Sigmund Freud, ma thuật là phương tiện dùng để tác động đến thần linh, bộ phận khởi nguyên và có ý nghĩa của kỹ thuật Hồn linh giáo, sử dụng những phương pháp đặc biệt hơn những phương pháp tâm lý học tầm thường... [Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam 2006: 126]. Một cách đơn giản hơn, ma thuật có

* Thôn Bình Hòa, xã Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Ngày nhận bài: 08/8/2019; Ngày biên tập: 12/8/2019; Duyệt đăng: 21/8/2019.

thể được hiểu là “nghệ thuật thực hiện các hành động thông qua động tác, lời nói, thần chú mang tính huyền bí của thầy cúng, thầy pháp có khả năng giao tiếp với lực lượng siêu nhiên để đạt được mục đích mong muốn” [Nguyễn Thị Hiền 2014: 61]. Ở Việt Nam hiện nay khi nói đến ma thuật, người ta thường biết đến hoạt động lên đồng, hành xác, bùa chú, cầu đảo, ban phép, v.v...

Nhập đồng còn được dân gian gọi là lên đồng, lên xác, nhập xác... là hiện tượng được cho rằng thần thánh hay vong hồn nhập vào thân xác một người để răn dạy, giải đáp, phù hộ... cho dân chúng. Người nhập đồng (shaman) có vai trò làm trung gian trong giao tiếp thiêng - phàm. Theo các nhà nghiên cứu, nhập đồng có mặt ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt ở các dân tộc vùng Nam Phi, Nam Mỹ, Đông Nam Á, Nam Trung Hoa... [Tư Thị Loan 2016: 74]. Từ cách tiếp cận phân tâm học trong nghiên cứu văn hóa, Carl Jung đưa ra lý thuyết vô thức tập thể để lý giải trạng thái này. Ông cho rằng khi đó “con người bộc lộ những khả năng, chứng minh những hiểu biết, vốn thiếu vắng ở họ trong trạng thái bình thường” [A. A. Belik 2000: 101].

Đối với nghi thức nhập đồng của người Hoa, theo tư liệu điền dã của chúng tôi, nó bắt nguồn từ tín ngưỡng Tam Sơn Quốc Vương. Ba vị sơn thần này được dân gian gọi là Nhất Vương, Nhị Vương và Tam Vương. Đây là một loại hình tín ngưỡng đặc thù của cộng đồng người Hoa nhóm phương ngữ Triều Châu, có nguồn gốc từ quan niệm sùng bái núi non của cư dân cổ xưa. Về nguồn gốc, tín ngưỡng Tam Sơn Quốc Vương ra đời ở vùng Yết Dương - Triều Châu (nay thuộc tỉnh Quảng Đông) gắn liền với ba ngọn núi là Minh Sơn, Độc Sơn và Cấn Sơn. Theo quan niệm của người Hoa Triều Châu, Tam Sơn Quốc Vương là ba vị thần vâng lệnh Ngọc Đế xuống trần cai quản ba ngọn núi này từ thời nhà Tùy và thường xuyên hiển linh.

Bên cạnh đó còn nhiều giai thoại khác về Tam Sơn Quốc Vương. Ví dụ, chuyện kể năm 970, quân Tống tiến đánh Nam Hán đã cầu xin Tam Sơn Quốc Vương phù hộ. Sau khi thắng trận, Tống

Thái Tổ Triệu Khuông Dận (đôi khi viết là Triệu Khuông Dẫn) sắc phong cho thần Minh Sơn là Trạ Chánh Minh Túc Ninh Quốc Vương; thần Độc Sơn là Huệ Uy Hoàng Ứng Ninh Quốc Vương; thần Cân Sơn là Thanh Hóa Uy Đức Báo Quốc Vương [Lâm Thanh Quang 2017: 5]. Ở một câu chuyện khác, ba vị thần này vốn kết nghĩa huynh đệ với nhau và tu hành trên núi, có lần đã cứu giá Tề Vương đi tuần gặp nạn, được vua phong vương và cho cai quản vùng núi Tam Sơn, sau đó ba vị tiếp tục tu hành cứu nhân độ thế [Lâm Tâm 1994: 98-99].

Người Hoa Triều Châu đi đến đâu cũng duy trì phát triển tín ngưỡng này. Tuy nhiên khi xa quê cũ, các nhóm người Hoa sống gần gũi nhau hơn dẫn đến sự ảnh hưởng qua lại, từ đó nghi thức nhập đồng được một số cộng đồng tiếp nhận và đưa vào lễ cúng những thần linh khác (Quan Đế, Thiên Hậu, Cầm Thiên Đại Đế...). Dấu hiệu nhận diện những ngôi miếu có nhập đồng là có ba chiếc ghế sơn màu đỏ được đặt trong chính điện, một ghế có gắn nhiều lưỡi dao và hai ghế có gắn nhiều đinh nhọn (xem ảnh 1, 2). Điểm đặc biệt trong nghi lễ nhập đồng của họ là các hình thức “hành xác”. Người nhập đồng xé lưỡi lấy máu vẽ bùa, xỏ cây qua miệng, đập quả cầu đinh vào người, ngồi ghế dao, đi trên than lửa... Sau khi nghi thức kết thúc, người ta không phát hiện vết thương trên cơ thể họ.

Ngày nay, nhập đồng vẫn còn tìm thấy ở các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Bình Dương... Tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, *Phước Đức cổ miếu* (dân gian gọi là chùa Xà Bể) cũng thờ Ông Bồn là Tam Sơn Quốc Vương và có nghi thức nhập đồng. Trong lễ cúng Cầm Thiên Đại Đế ở *Thanh Hòa cổ miếu* cũng có nghi thức nhập đồng với ba chiếc ghế như trên. Ở huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, vào lễ Vu Lan hàng năm, sáu ngôi miếu thờ Ông Bồn đều có nghi thức nhập đồng (*Vạn Niên Phong cung, Minh Đức cung, Vạn Ứng Phong cung, Thiên Đức cung, Vạn Đức Phong cung, Niên Phong cung*). Tại huyện đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, nghi thức này xuất hiện ở *Huê Quang Đại Đế miếu* (tên dân gian là chùa Ông Gành Gió). Tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh

Bình Dương, có hình thức nhập đồng ở *Phước An miếu* thờ Thất Phủ Đại Nhân của người Phúc Kiến. Ở tỉnh An Giang, nghi thức này có mặt ở thành phố Châu Đốc (*Tam Sơn miếu*), thị xã Tân Châu (*Quan Đế miếu*) và huyện An Phú (*Nhị Vương miếu*).

2. Đặc điểm nghi thức thập đồng của người Hoa ở Châu Đốc

2.1. Nhập đồng trong tín ngưỡng Tam Sơn Quốc Vương

Miếu Tam Sơn ở phường Vĩnh Mỹ có niên đại khoảng 200 năm (ảnh 3). Tương truyền, những người Triều Châu đầu tiên đến Châu Đốc đã mang theo ba pho tượng của Tam Sơn Quốc Vương và lập miếu thờ: miếu Nhất Vương ở thị xã Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang), miếu Nhị Vương ở xã Đa Phước (huyện An Phú) và miếu Tam Vương ở phường Vĩnh Mỹ (thành phố Châu Đốc) đều thuộc tỉnh An Giang. Ngoài ra, người Hoa ở Châu Đốc còn lưu truyền một giai thoại khác. Họ kể rằng, nơi đây ngày xưa vốn là cái miếu nhỏ ven đường thờ Thổ Thần. Một lần nọ, có người phụ nữ bị tà nhập hóa điên, khi đi ngang miếu đã vào xin nhập đồng trị bệnh. Bấy giờ có một người Minh Hương bán rau cải đã nhập đồng và xưng là Sam Quán Lái, rồi dùng hình thức ma thuật chữa khỏi cho người nữ ấy [Tư liệu điền dã năm 2017].

Mặc dù đôi tượng được thờ chính trong miếu là Tam Sơn Quốc Vương, nhưng cư dân địa phương thường gọi ngôi miếu là miếu Ông Bồn. Sở dĩ có hiện tượng này vì Ông Bồn hay Bồn Đầu Công là một vị thần mang tính biểu tượng chứ không hẳn là nhân vật lịch sử cụ thể. Người Hoa xem Ông Bồn là phúc thần của vùng đất sở tại, có vai trò bảo hộ cộng đồng, tương tự Thành hoàng của người Việt hay Neak Ta của người Khmer. Mặc dù mỗi cộng đồng người Hoa từng nơi có quan niệm riêng về Ông Bồn, nhưng chung quy họ vẫn xem đây là vị thần mang lại cuộc sống ấm no cho mọi người.

Ông Bồn đôi khi được đồng nhất với Trịnh Hòa (1371 - 1433), một viên quan triều Minh, cũng là nhà hàng hải nổi tiếng của Trung Quốc, chỉ huy các chuyến thám hiểm nhiều nơi trên thế giới. Có nơi lại cho rằng Ông Bồn là Châu Đạt Quan (1266 - 1346), một vị quan

triều Nguyên từng là sứ thần sang Chân Lạp và để lại tác phẩm nổi tiếng *Chân Lạp phong thổ ký*. Nguyễn Hữu Hiệu [2010] cho biết với người Triều Châu và Hải Nam thì Ông Bồn là chức Bồn Đầu Công của Trịnh Hòa. Người Phúc Kiến gán cho Ông Bồn là Châu Đạt Quan. Nhiều nơi khác, người Hoa đồng nhất Ông Bồn với Thổ Thần, Phúc Đức Chính Thần, Tam Sơn Quốc Vương, v.v...

Tác giả Nguyễn Xuân Nghĩa [1984: 195-196] phân tích: “Đồng bào Hoa quan niệm Ông Bồn là vị thần cai quản một khu vực đất đai và cả những con người sống trên địa vực đó. Nói cách khác, họ quan niệm đây là một vị thổ thần. Đối với các cư dân nông nghiệp, cũng như đối với đồng bào Hoa có nguồn gốc là nông dân, vị thần đất chính là vị thần đem lại của cải, sự giàu có, thịnh vượng, hạnh phúc và sự bình yên cho mọi người. [...] Tín ngưỡng ông Bồn, mặc dù có nguồn gốc xa xưa là tục thờ thần đất của các cư dân nông nghiệp Đông Nam Á, đã bị phong kiến hóa phần nào và đã được người Hoa di dân nhân cách hóa...”.

Trong nghi thức nhập đồng ở miếu Tam Sơn, người nhập đồng thường là người cố định, được gọi là *xác đồng* hay *phần xác*. Dân chúng xem đó là “người được chọn”, nghĩa là do “bề trên” chỉ định và không ai có quyền thay đổi. Nếu xác đồng qua đời, thần linh sẽ chọn người phù hợp khác. Về diễn tiến, ban đầu xác đồng ở trần và mặc quần dài trắng, đứng trước bàn thờ chính để cầu nguyện. Sau khi Ông Bồn “về xác”, xác đồng sẽ bôi mặt bằng bột màu đỏ, mặc vào người bộ trang phục màu đỏ và đội mũ đỏ. Theo truyền thuyết, do ba ngọn núi Minh Sơn - Độc Sơn - Cấn Sơn lần lượt có ba màu xanh - trắng - đỏ, nên hình tượng Tam Sơn Quốc Vương được thể hiện với gương mặt có ba màu trên. Trong buổi lễ nhập đồng, nếu xác đồng bôi mặt đỏ và mặc trang phục đỏ là Tam Vương “về xác” (xem ảnh 4).

Tiếp đến, xác đồng sẽ múa đao, múa kiếm, múa võ... Ông dùng đao xé vào lưỡi cho ra máu, ban quản trị ngôi miếu chuẩn bị sẵn nhiều mảnh giấy nhỏ màu vàng để ông liếm lưỡi cho máu thấm vào. Chúng sẽ trở thành những lá bùa được người dân thỉnh về sau đó. Theo lời

kể dân gian, trước đây ngoài xẻ lưỡi lấy máu, xác đồng còn cắt một phần chót lưỡi ra, đặt vào cái đĩa rồi lấy cái chung/chén úp lại. Khi xong buổi lễ, ông lấy chót lưỡi gắn lại vào miệng thì sẽ tự lành.

Sau nghi thức ở chính điện, ghế dao hoặc ghế đình sẽ được xác đồng ngồi lên, thanh niên khiêng ghế ông điều hành quanh xóm, gọi là *đi nghinh*. Khi đi nghinh, xác đồng sẽ xỏ một cây xiên quai từ má này trở sang má kia, cầm kiếm trên tay, cổ đeo trái đấm (khối tròn làm từ gỗ và đóng nhiều đinh nhọn xung quanh). Qua những nơi ô uế (bệnh viện, nghĩa địa, chuồng gia súc...) thì Ông Bồn sẽ rời xác, phải có người đi bên cạnh đọc *bài triệu* để mời ông lại. Ngày nay hành trình đi nghinh rút ngắn, chỉ còn từ miếu ra bờ sông Hậu rồi quay về miếu.

Để liên hệ mở rộng, chúng tôi giới thiệu sơ lược về nghi thức nhập đồng ở *Nhị Vương miếu* tại xã Đa Phước, huyện An Phú, đối diện với thành phố Châu Đốc bên kia sông Hậu. Nhị Vương là một trong Tam Sơn Quốc Vương, nhưng sau năm 1975 do sợ chính quyền gây khó dễ nên các cụ đã sửa lại giai thoại. Họ kể rằng, Nhị Vương là ẩn sĩ tên Lương Hà, đã cùng với hai anh em kết nghĩa giúp Đinh Bộ Lĩnh trong một lần bị vây bắt. Sau khi lên ngôi, Đinh Tiên Hoàng phong cho ba ông là Nhất Vương, Nhị Vương và Tam Vương.

Miếu Nhị Vương có kiến trúc đơn giản, nội thất có cấu trúc thờ tự điển hình của người Hoa là bộ ba Thiên Hậu - Phúc Đức Chính Thần - Quan Đế. Trong những lần nhập đồng ở nơi đây, phần xác cũng bôi mặt, xỏ xiên quai, ngồi ghế đình và ghế dao... tương tự miếu Tam Sơn. Tuy nhiên, nếu như miếu Tam Sơn chỉ có một xác đồng cố định, thì ở miếu Nhị Vương có tính *đồng tham dự* của cộng đồng. Bên cạnh “người được chọn”, hiện tượng nhập xác còn xuất hiện ở nhiều dân thường tham dự buổi lễ.

2.2. Nhập đồng trong tín ngưỡng Quan Công

Như đã trình bày ở trên, nghi thức nhập đồng trong tín ngưỡng Tam Sơn Quốc Vương của người Triều Châu được một số nhóm phương ngữ khác hoặc một số hình thái tín ngưỡng khác tiếp nhận.

Ở khu vực Châu Đốc, điển hình cho trường hợp này là nghi thức nhập đồng ở miếu Quan Đế ở phường Châu Phú A và miếu Quan Đế ở xã Mỹ Đức (huyện Châu Phú) cách đó không xa. *Quan Đế miếu* ở phường Châu Phú A ra đời năm 1847 còn *Quan Đế miếu* ở xã Mỹ Đức ra đời khoảng thập niên 1880 và đến năm 1895 miếu được xây dựng lại kiên cố.

Trong những lần nhập xác, có khi một phần xác được một vị thần nhập vào, nhưng cũng có khi nhiều phần xác được nhiều vị thần nhập cùng một lúc. Họ xưng danh tính là Quan Công, Quan Bình, Châu Xương, Chánh Soái Đại Càn, Ông Hồ... Sau khi được thần linh nhập, xác đồng bắt đầu múa đao, múa kiếm, phun trà và rượu quanh chính điện. Trong lúc diễn ra nghi thức, phần xác sẽ dùng một cây xiên quai xỏ từ má bên này trở sang má bên kia và giữ nó trong suốt thời gian diễn ra nghi lễ.

Người nhập đồng bắt đầu thực hiện nhiều hình thức “hành xác” như cắt lưỡi lấy máu vẽ bùa lên những mảnh giấy nhỏ màu vàng để ban phát cho dân chúng. Có khi ông thọc tay vào nồi nước sôi rồi té nước lên mình, đi chân trần trên than lửa, dùng quả đấm đập vào cơ thể... Ngoài nghi thức diễn ra ở miếu còn có hoạt động *đi nghinh* để diễu hành xung quanh làng. Phần xác sẽ ngồi lên những chiếc ghế dao hoặc ghế đinh và được các thanh niên cùng nhau khiêng đưa ông đi. Trên đường gặp những nơi dơ bẩn thì ông phóng nhang để tẩy uế hoặc kêu đệ tử đi trước để cắm nhang tẩy uế rồi đoàn rước mới đến sau.

Trước hoặc sau lúc đi nghinh, người dân có thể đến hỏi về những chuyện gia đạo, làm ăn, rui ro, bệnh tật... và sẽ lần lượt được ông giải đáp. Lúc nào không còn ai hỏi gì nữa, vị thần sẽ tự xuất khỏi phần xác. Lúc sắp thăng, ông vẽ một đạo bùa dán vào má rồi rút cây xiên quai ra, trên má ông không có lỗ thủng. Sau khi nghi lễ kết thúc, cơ thể xác đồng không để lại bất kỳ vết thương hoặc vết máu. Điều đặc biệt là bộ quần áo vải mà người ấy mặc cũng không có vết rách, mặc dù họ đã dùng quả đấm đánh vào người và đã ngồi trên ghế dao, ghế đinh.

Sau năm 1975, nhập đồng ở cả hai miếu Quan Đế không được chính quyền địa phương cho phép thực hiện. Song, nghi thức nhập đồng Quan Đế đã ảnh hưởng đến tín ngưỡng dân gian của người Việt trên cùng địa bàn và đến nay vẫn còn duy trì. Đó là trường hợp miếu Âm Nhon ở phường Núi Sam - thành phố Châu Đốc. Tương truyền, đây là ngôi miếu do Thoại Ngọc Hầu xây dựng để thờ cúng vong hồn những nhân công thiệt mạng trong quá trình đào kênh Vĩnh Tế. Vào rằm tháng Giêng hàng năm, người Việt thực hiện nghi thức nhập xác ba ông Quan Công, Quan Bình, Châu Xương và diễu hành quanh núi Sam. Hành trình bắt đầu từ trưa, dù đoạn đường đi qua chỉ khoảng 5 km nhưng do số người dân tham gia đông đảo nên kéo dài đến tối mới kết thúc.

3. Chức năng của nhập đồng trong văn hóa của người Hoa ở Châu Đốc

Malinowski với tác phẩm kinh điển *Ma thuật, khoa học và tôn giáo* đã phân chia hai phạm trù: cái thiêng (tôn giáo và ma thuật) và cái trần tục (khoa học). Ông cho rằng, không có một nhóm người nào dù nguyên thủy đến đâu mà không có tôn giáo và ma thuật, cũng không có một chủng tộc dù mông muội đến mức nào lại không có quan điểm khoa học [Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam 2006: 147]. Trong mối quan hệ với ma thuật, tôn giáo góp phần định hướng các giá trị đạo đức truyền thống và khoa học đóng vai trò hỗ trợ những phương pháp thực tiễn.

Nhìn vào hình thức nhập đồng của người Hoa Triều Châu, có thể thấy yếu tố tôn giáo và khoa học đã tác động hai chiều vào ma thuật. Ở khía cạnh tôn giáo, các phương thức ma thuật được lồng ghép vào tín ngưỡng (tôn giáo sơ khai) và được định hướng bởi những giá trị đạo đức từ tín ngưỡng, tôn giáo. Về phía khoa học, các phương thức trị liệu dân gian thông qua những năng lực tiềm ẩn của con người đã được vận dụng vào ma thuật, đó là một dạng khoa học nguyên thủy - nói theo cách của Malinowski là “nguyên lý sơ đẳng của khoa học”.

Xuất hiện từ thập niên 1960 gắn với tên tuổi của Victor Turner và Clifford Geertz, lý thuyết diễn giải biểu tượng cho rằng, văn hóa được kết nối với nhau bằng hệ thống các biểu tượng và mỗi biểu tượng mang ý nghĩa riêng, từ đó họ tiến hành diễn giải ý nghĩa của các biểu tượng được thu thập từ thực tế. Một trong những hệ thống biểu tượng được các nhà nghiên cứu quan tâm là biểu tượng nghi lễ.

Nghi lễ được Victor Turner đánh giá là một cách thức riêng để con người điều chỉnh bản thân và giải quyết các mâu thuẫn, sự ổn định của cộng đồng được duy trì không nằm ở cách tổ chức xã hội mà nằm ở các yếu tố tôn giáo trừu tượng được biểu hiện qua nghi lễ [Phạm Quỳnh Phương & Hoàng Cẩm 2013: 41]. Vận dụng quan niệm trên vào nghi lễ nhập đồng, có thể thấy đây là một dạng thực hành tín ngưỡng dưới hình thức ma thuật mang màu sắc thần quyền, vừa thể hiện quyền uy của thần linh với dân chúng, vừa tạo niềm tin tâm lý cho họ. Từ đó, nó góp phần duy trì sự ổn định và thúc đẩy sự vận hành của xã hội.

Người nhập đồng được xem là biểu tượng cho sức mạnh và quyền năng của thần linh. Các biện pháp ma thuật trong lúc xuất thần cùng với những lá bùa được vẽ bằng máu từ lưỡi người nhập đồng trở thành những biểu tượng tâm lý trị liệu tập thể mang lại tác dụng quan trọng. Sau những nghi lễ đó, dân chúng mặc nhiên ngầm “quy ước” với nhau phải tin tưởng vào vị thần chung của cộng đồng đang tôn thờ, từ đó không dám phá vỡ những nguyên tắc cộng đồng, nhờ vậy tính bền vững của cộng đồng được đảm bảo.

A. A. Belik [2000] cũng nhận định, những trạng thái xuất thần được nhận định đã đóng vai trò có ý nghĩa trong sự hình thành con người như một thành viên của cộng đồng, những nghi thức đó giúp đạt tới mối tương quan tối ưu giữa đơn độc và giao tiếp những nhu cầu quan trọng hàng đầu của đời sống con người. Qua hình thức nhập đồng của người Hoa, có thể thấy đây là sự sử dụng kết hợp các phương thức khai thác tiềm năng bí ẩn của con người nhằm đáp ứng nhu cầu tâm lý và giúp điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân, từ đó góp phần duy trì sự ổn định cho cộng đồng.

Kết luận

Đối với người Hoa gốc Triều Châu cư trú ở Châu Đốc, họ xem Tam Sơn Quốc Vương là Ông Bổn của cộng đồng mình. Đây là tín ngưỡng được họ mang theo hành trình di cư đến nhiều nơi, nó thể hiện tâm thức hướng về nguồn cội bởi đó là ba vị thần cai quản ba ngọn núi ở quê cũ của họ. Cùng với tín ngưỡng Tam Sơn Quốc Vương, nghi thức nhập đồng cũng đã tồn tại hàng trăm năm từ khi người Hoa có mặt ở Châu Đốc, trở thành một trong những sắc thái văn hóa đặc thù, góp phần nhận diện cộng đồng người Hoa nhóm phương ngữ Triều Châu.

Nếu nói rằng “khám phá bản sắc nghĩa là tìm hiểu chúng ta nhìn nhận bản thân như thế nào và những người khác nhìn thấy chúng ta như thế nào” [Chris Barker 2011: 298], thì có thể dễ dàng nhận thấy tín ngưỡng, tôn giáo đóng vai trò quan trọng trong quá trình kiến tạo bản sắc của mỗi cá nhân và góp phần hình thành bản sắc tập thể. Bởi lẽ, tín ngưỡng, tôn giáo mang trong mình chức năng cố kết mối liên hệ giữa các thành viên trong cộng đồng, đồng thời lại chi phối tư tưởng và đời sống tâm lý xã hội của cộng đồng ấy. Chúng thực sự là môi trường tạo cho mỗi thành viên nhận thức được sự “thuộc về” của bản thân trong cộng đồng và thúc đẩy sự hình thành những đặc tính chung của cộng đồng đó.

Tuy nhiên, những thách thức cũng được đặt ra trong việc bảo vệ bản sắc văn hóa cộng đồng. Sau năm 1975, theo nghiên cứu của Hoàng Cẩm và Phạm Quỳnh Phương, do cách nhìn nhận về sự đa dạng của các thực hành văn hóa theo tiến hóa luận nên trong một thời gian dài, các dân tộc thiểu số phải từ bỏ nhiều thực hành văn hóa bị cho là “mê tín dị đoan”. Bởi lẽ, văn hóa của dân tộc thiểu số ở Việt Nam bị quy chiếu theo tiêu chuẩn của tộc người đa số, nên nhiều thực hành văn hóa truyền thống bị định hướng theo các nhận thức của những người làm công tác quản lý [Hoàng Cẩm & Phạm Quỳnh Phương 2012]. Đối với trường hợp người Hoa ở Châu Đốc, điển hình là sự mai một của nghi thức nhập đồng. /.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. A. Belik (2000), *Văn hóa học - Những lý thuyết nhân học văn hóa*, Đỗ Lai Thúy, Hoàng Vinh, Huyền Giang dịch, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật in.
2. Chris Barker (2011), *Nghiên cứu văn hóa: Lý thuyết và thực hành*, Đặng Tuyết Anh dịch, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
3. Hoàng Cầm & Phạm Quỳnh Phương (2012), *Diễn ngôn, chính sách và sự biến đổi văn hóa - sinh kế tộc người*, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường.
4. Nguyễn Thị Hiền (2014), “Ma thuật nhận diện và nghiên cứu trong nhân học”, *Nghiên cứu tôn giáo*, số 09 (135).
5. Nguyễn Hữu Hiếu (2010), *Diễn trình văn hóa đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Thời đại, Hà Nội.
6. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2006), *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Tạp chí Xưa & Nay - Nxb. Đà Nẵng.
7. Từ Thị Loan (2016), “Lên đồng và vấn đề sức sống của di sản trong xã hội đương đại”, *Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng*, số 74.
8. Nguyễn Xuân Nghĩa (1984), “Ý nghĩa xã hội của các tín ngưỡng cộng đồng ở người Hoa vùng Đồng bằng sông Cửu Long”, *Mấy đặc điểm văn hóa đồng bằng sông Cửu Long*, Viện Văn hóa.
9. Phạm Quỳnh Phương & Hoàng Cầm chủ nhiệm (2013), *Một số khuynh hướng lý thuyết nghiên cứu văn hóa và các hướng tiếp cận nghiên cứu văn hóa ở Việt Nam*, Đề tài cấp bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
10. Lâm Thanh Quang (2017), “Tam Sơn quốc vương”, Bản đánh máy của tác giả.
11. Lâm Tâm (1994), *Người Hoa An Giang*, Chi hội Văn nghệ dân gian An Giang & Hội Văn nghệ Châu Đốc.

Abstract

**ABOUT THE VOTIVE DANCE OF THE CHINESE
IN CHÂU ĐỐC, AN GIANG PROVINCE**

Huynh Le Trieu Phu

Binh Hoa hamlet, Binh Thuy village

Chau Phu Dist., An Giang Province

The Chinese were one of the ethnic groups who early presented in the South and they have had great contributions to the culture of this land. Châu Đốc where a large number of Chinese people has lived. They still preserve many forms of belief and religion, especially the Chaozhou Chinese community has the unique ritual of votive dance (to mount the medium). This belief was brought and maintained by the Chaozhou Chinese for over two centuries, it has become a typical cultural activity of this community. This article presents the votive dance of the Chinese in Châu Đốc city and some surrounding areas where the Chaozhou Chinese people live. This research focuses on the characteristics and values of this ritual in the Chinese culture.

Keywords: Votive dance; the Chinese; Châu Đốc.

ẢNH MINH HỌA



Ảnh 1: Ba chiếc ghế nhập đồng ở miếu Tam Sơn,
phường Vĩnh Mỹ, Tp. Châu Đốc

Ảnh: Vĩnh Thông (Huỳnh Lê Triều Phú)



Ảnh 2: Ba chiếc ghế nhập đồng ở miếu Quan Đế, Tp. Châu Đốc

Ảnh: Vĩnh Thông (Huỳnh Lê Triều Phú)



Ảnh 3: Miếu Tam Sơn ở phường Vĩnh Mỹ, Tp. Châu Đốc

Ảnh: Vĩnh Thông (Huỳnh Lê Triều Phú)



Ảnh 4: Nhập đồng ở miếu Tam Sơn

Ảnh: Lâm Quang Hiền